

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN DI LINH
TỈNH LÂM ĐỒNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 29/2024/HNGĐ-ST

Ngày 25-4-2024

V/v tranh chấp hôn nhân
và gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DI LINH, TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Bá Cường Huy.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Bùi Ngọc Hà và ông K'Đào.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thùy Lương – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Ông K'Dem – Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 4 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 77/2024/TLST-HNGĐ ngày 19/3/2024 của Tòa án nhân dân huyện Di Linh về việc: “Tranh chấp hôn nhân và gia đình” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 26/2024/QĐXX-TA ngày 16 tháng 4 năm 2024 của Tòa án huyện D giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Đặng Thị Q; sinh năm 1982. Có mặt.

Địa chỉ: Số B Thôn D, xóm B xã H, huyện D, tỉnh Lâm Đồng.

- Bị đơn: Anh Đỗ Hữu T; sinh năm 1979. Có mặt.

Địa chỉ: Thôn H cũ (thôn G mới) xã H, huyện D, tỉnh Lâm Đồng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Đặng Thị Q trình bày như sau:

Về hôn nhân: Chị và anh Đỗ Hữu T sống chung có đăng ký kết hôn vào ngày 14/10/2016 tại UBND xã H, huyện D, tỉnh Lâm Đồng. Sau khoảng 04 năm chung sống thì đến khoản cuối năm 2020 thì vợ chồng thường hay cãi nhau, đánh nhau. Nguyên nhân mâu thuẫn là do khó khăn về kinh tế, một phần vợ chồng chưa thật sự hiểu nhau, bất đồng quan điểm trong cuộc sống hàng ngày đã có nhiều lần vợ chồng đánh nhau. Từ đầu năm 2024 thì vợ chồng ly thân. Nay xác định tình cảm không còn, tôi xin được ly hôn với anh Đỗ Hữu T.

Về nuôi con chung. Chị và anh **Đỗ Hữu T** không có con chung. Chị có 02 con riêng là **Nguyễn Thị H**; sinh năm 2001 và cháu **Nguyễn Thị Kim T1**; sinh năm 2007. Đây là con riêng của chị và ông **Nguyễn Văn H1**. Khi ly hôn chị **Q** không yêu cầu Tòa án giải quyết về con chung. Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, Tài sản riêng của mỗi người tự quản lý. Khi ly hôn tôi không yêu cầu tòa án giải quyết về phần tài sản. Vợ chồng cũng không có thỏa thuận gì về chế độ tài sản của vợ chồng. Chị **Q** tự nguyện chịu án phí theo quy định. Tài liệu chứng cứ chứng minh cho yêu cầu là giấy kết hôn.

*Bị đơn, anh **Đỗ Hữu T** trình bày:*

Về việc kết hôn, con chung và nguyên nhân mâu thuẫn như chị **Q** trình bày là đúng. Từ năm 2020 vợ chồng đã ly thân cho đến nay, anh không đồng ý ly hôn. Tuy nhiên nếu chị **Q** cương quyết thì anh cũng đồng ý ly hôn. Về phần tài sản. Đề nghị Tòa án xem xét đến số tiền 250.000.000đ mà ông đã đưa chị **Q** đi hùn vốn mua đất và 40.000.000đ đã đưa chị **Q** cho người khác vay. Trong quá trình giải quyết, anh **T** đã được tòa giải thích bằng văn bản (bút lục 22 và 13) nhưng vẫn không làm đơn khởi kiện. Anh **T** đề nghị tòa xem xét chị **Q** phải có trách nhiệm đối với 02 khoản tiền nói trên. Bản thân anh có 02 con riêng là **Đỗ Nhật Ánh D**; sinh năm 2004 và cháu **Đỗ Vũ Trần V**; sinh năm 2008 với bà **Vũ Thị Thu T2**; sinh năm 1981, đã ly hôn.

Tại phiên hòa giải: Các đương sự vẫn giữ nguyên quan điểm. Không giao nộp bổ sung tài liệu chứng cứ gì.

Tại phiên Tòa:

*Nguyên đơn chị **Q** trình bày:* Khoảng tháng 11/2023 chị đã nộp đơn xin ly hôn, đến tháng 12/2023, anh **T** có hứa hẹn thay đổi nên chị đã rút lại đơn xin ly hôn. Đến tháng 3/2024, anh **T** vẫn không thay đổi. Do tính chất công việc của chị **Q1** là kinh doanh bất động sản thường đi làm về muộn nên anh **T** thường xuyên ghen tuông vợ cố, có rất nhiều lần đánh chửi, xúc phạm bản thân chị và các con riêng của chị. Anh **T** mong muốn đoàn tụ nhưng bản thân không thay đổi. Nay chị cương quyết ly hôn.

*Bị đơn anh **T** trình bày:*

Anh xác nhận là có đánh chị **Q**, vì lý do chị đi làm về muộn, có giao lưu, đi cùng với người khác giới. Anh đã nhiều lần nhắc nhở nhưng chị **Q** vẫn không thay đổi. Tại phiên Tòa án anh không đồng ý ly hôn vì lý do tuổi đã cao và đã một lần ly hôn rồi nên mong muốn cùng về đoàn tụ.

Đúng là trong quá trình Tòa án giải quyết, có hướng dẫn cho anh nếu có yêu cầu gì thì phải làm đơn khởi kiện và giao nộp tài liệu chứng cứ kèm theo đơn. Tuy nhiên đến nay anh **T** vẫn không làm đơn gì cả. Tại phiên tòa, anh **T** trình bày nếu vợ chồng trở về đoàn tụ thì không đề nghị Tòa án xem xét về số tiền 250.000.000đ mà anh đã đưa chị **Q** đi hùn vốn mua đất và 40.000.000đ đã đưa chị **Q** cho người khác vay.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Di Linh phát biểu: Thông qua kiểm sát việc giải quyết vụ án, nhận thấy Hội đồng xét xử và các đương sự đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015. Về nội dung tranh chấp. Đề nghị căn cứ Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Ngoài ra còn đề nghị về phần án phí và quyền kháng cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền và quan hệ tranh chấp: Các đương sự tranh chấp về ly hôn. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Di Linh có thẩm quyền giải quyết là đúng quy định.

[2] Về thủ tục tố tụng: Tòa án nhân dân huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng đã tiến hành phiên hòa giải, tiếp cận công khai chứng cứ. Để các đương sự thực hiện các quyền và nghĩa vụ theo quy định. Tuy nhiên các đương sự không thỏa thuận được các nội dung tranh chấp. Tòa án tiến hành đưa vụ án ra xét xử là đúng quy định.

[3] Nội dung tranh chấp.

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị **Đặng Thị Q** và anh **Đỗ Hữu T** sống chung có đăng ký kết hôn vào ngày 14/10/2016 tại **UBND xã H, huyện D, tỉnh Lâm Đồng**. Sau khoảng 04 năm chung sống thì đến khoản cuối năm 2020 thì vợ chồng thường hay cãi nhau, đánh nhau. Nguyên nhân mâu thuẫn là do khó khăn về kinh tế, một phần vợ chồng chưa thận sự hiểu nhau, bất đồng quan điểm trong cuộc sống hàng ngày đã có nhiều lần vợ chồng đánh nhau. Từ đầu năm 2024 thì vợ chồng ly thân. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn yêu thương quý trọng, lo lắng cho cuộc sống chung. Chị **Q** không có phương án và ý định trở về đoàn tụ. Căn cứ Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử cần xem xét giải quyết cho Chị **Đặng Thị Q** và anh **Đỗ Hữu T** được ly hôn là phù hợp.

[3.2] Về nuôi con chung: Chị **Đặng Thị Q** và anh **Đỗ Hữu T** không có con chung nên không đề cập giải quyết.

[3.3] Về phần tài sản chung: Theo đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết. Chị **Q** trình bày không có tài sản chung, không có nợ chung. Khi ly hôn, không yêu cầu Tòa án giải quyết về phần tài sản. Trong quá trình giải quyết và tại phiên Tòa, anh **T** có đề nghị Tòa án xem xét về số tiền 250.000.000đ mà anh đã đưa chị **Q** đi hùn vốn mua đất và 40.000.000đ đã đưa chị **Q** cho người khác vay. Hội đồng xét xử nhận thấy, trong quá trình giải quyết Tòa án đã có hướng dẫn, nếu anh **T** có yêu cầu giải quyết về phần tài sản chung, thì phải làm đơn khởi kiện và các tài liệu chứng cứ để Tòa án xem xét (bút lục 22 và 13). Tuy nhiên anh **T** vẫn không làm đơn khởi kiện. Tại khoản 3 điều 200 của bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015 có quy định "*Bị đơn có quyền đưa ra yêu cầu phản tố trước thời điểm mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải*". Vì thế, Hội đồng xét xử không xem xét đề nghị của anh **T** về số tiền 250.000.000đ mà anh đã đưa chị **Q** đi hùn vốn mua đất và 40.000.000đ đã đưa chị **Q** cho người khác vay trong vụ án này. Trường hợp anh **T** có đơn khởi kiện sẽ được xem xét trong một vụ án khác.

[4] Về Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Chị **Đặng Thị Q** phải chịu là 300.000 đồng án phí xin ly hôn. Chị **Đặng Thị Q** đã nộp đủ theo biên lai thu tiền số

0005658 ngày 19/3/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng.

[5] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định.

[6] Quan điểm, đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Di Linh về việc giải quyết vụ án là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên cần chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 và khoản 2 Điều 143, khoản 1 Điều 144, khoản 4 Điều 147, khoản 3 Điều 200 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ vào điểm a khoản 5 và điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội Khóa XIV.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị **Đặng Thị Q** và anh **Đỗ Hữu T** được ly hôn.
2. Về nuôi con chung: Không đề cập giải quyết.
3. Về phân tài chung: Không đề cập giải quyết.
4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị **Đặng Thị Q** phải chịu là 300.000 đồng án phí xin ly hôn. Chị **Đặng Thị Q** đã nộp đủ theo biên lai thu tiền số 0005658 ngày 19/3/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng.
5. Về quyền kháng cáo: Chị **Đặng Thị Q** và anh **Đỗ Hữu T** có mặt tại phiên Tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND huyện Di Linh;
- Chi cục THADS huyện Di Linh;
- UBND xã Hòa Ninh;
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ vụ án, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Bá Cường Huy

